

Số: 07 /2017/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố tại Tờ trình số 02/TTr-KCNC ngày 19 tháng 01 năm 2017 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 451/TTr-SNV ngày 13 tháng 02 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu kể từ ngày 27 tháng 02 năm 2017 và thay thế Quyết định số 242/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- VP Thành ủy và các Ban của Thành ủy;
- VP Đoàn ĐBQH TP;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ (3b);
- Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Trung tâm Công báo TP;
- Lưu: VT, (VX/Đn) T. 170

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý
Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý các hoạt động của Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Khu Công nghệ cao) theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Ban Quản lý) có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; Được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước; Có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở làm việc của Ban Quản lý đặt tại Lô T2-3, đường D1, phường Tân Phú, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Quản lý có tên gọi bằng tiếng Anh là Board of Management of Saigon Hi-tech Park.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc ban hành:

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển trung và dài hạn đối với Khu Công nghệ cao; Kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển của Khu Công nghệ cao.

c) Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Khu Công nghệ cao phù hợp với điều kiện phát triển thực tế trong từng thời kỳ và theo quy định của pháp luật.

d) Cơ chế thu hút, chính sách đãi ngộ đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức, chuyên gia khoa học công nghệ trong và ngoài nước và người lao động làm việc tại Ban Quản lý.

đ) Các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác về Khu Công nghệ cao.

2. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc ban hành:

a) Các dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, các dự án ODA và vốn tiếp nhận viện trợ đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

b) Chương trình phát triển công nghệ cao, hỗ trợ sản phẩm công nghệ cao, cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học công nghệ làm việc tại Khu Công nghệ cao và các hợp tác quốc tế khoa học công nghệ nhằm phát triển Khu Công nghệ cao theo mục tiêu đề ra thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Kế hoạch đầu tư phát triển và dự toán ngân sách hàng năm (chi đầu tư phát triển Khu Công nghệ cao (cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực và chi thường xuyên).

3. Tổ chức thực hiện, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

4. Ban hành văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy định nội bộ theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý quy hoạch, xây dựng và khai thác cơ sở hạ tầng

a) Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch chung trong Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chỉ đạo lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng; Thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết theo ủy quyền; Tổ chức thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

c) Tổ chức lập, phê duyệt, quản lý, giám sát và thực hiện quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng.

d) Thực hiện việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi: Chứng chỉ quy hoạch, Giấy phép quy hoạch và Giấy phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền; Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.

đ) Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các dự án đầu tư xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu các công trình xây dựng tại Khu Công nghệ cao theo phân cấp, ủy quyền.

e) Có ý kiến về xây dựng các công trình cấp điện, nước, bưu chính viễn thông ngoài địa giới Khu Công nghệ cao do các doanh nghiệp chuyên ngành thực hiện để phù hợp với quy hoạch và tiến độ xây dựng Khu Công nghệ cao.

g) Bảo đảm tiến độ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ theo đúng các hợp đồng với nhà đầu tư các dự án.

h) Hướng dẫn các nhà đầu tư, doanh nghiệp xây dựng, kinh doanh, khai thác, sử dụng cơ sở hạ tầng theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật của Nhà nước; Thỏa thuận mức thu tiền sử dụng, dịch vụ liên quan tới hạ tầng theo quy định.

i) Trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao.

k) Lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng tại Khu Công nghệ cao.

6. Về quản lý nguồn vốn và kế hoạch phát triển

a) Tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư và chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định, quản lý các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách Nhà nước nhóm B, C theo phân cấp hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Tiếp nhận và quản lý các dự án ODA để xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghệ cao và vốn tiếp nhận viện trợ (nếu có) đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

đ) Ký kết các hợp đồng BOT, BTO, BT theo ủy quyền của các cấp có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức vận động đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng hạ tầng, triển khai đấu thầu theo quy định và hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng thực hiện đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

7. Về hợp tác và xúc tiến đầu tư

a) Tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn lực đầu tư vào Khu Công nghệ cao.

b) Xây dựng, duy trì và quan hệ hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các Khu Công nghệ cao, các hiệp hội, các khu khoa học trong nước và ngoài nước.

c) Hợp tác đầu tư với nước ngoài về công nghệ cao theo quy định về hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

d) Hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực có liên quan để phát triển và quản lý, khai thác Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật; Được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

đ) Hợp tác, liên kết quốc tế, các trường đại học để hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút các chuyên gia giỏi, nhà khoa học trẻ, tài năng.

8. Quản lý đầu tư

a) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

c) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại Khu Công nghệ cao.

d) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

đ) Các giấy phép, chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền của các cơ quan chuyên ngành.

e) Quyết định các hướng ưu tiên, các hình thức hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đào tạo, ươm tạo, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ công nghệ cao trên cơ sở Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

g) Tổng hợp, thống kê, theo dõi kiểm tra hoạt động của các doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

h) Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai dự án tại Khu Công nghệ cao theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các Giấy phép, Chứng chỉ và các quy định khác của pháp luật và tổ chức đánh giá xếp loại doanh nghiệp hàng năm nhằm khuyến khích, thúc đẩy năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và đầu tư hiệu quả.

i) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản đối với các nội dung đã trình bày trong Bản thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao, đề tài, đề án nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của tổ chức, cá nhân hoạt động ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao trong Khu Công nghệ cao gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

k) Ban hành hoặc trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành các biện pháp đảm bảo thực hiện dự án đầu tư.

9. Về quản lý, sử dụng đất đai

a) Được Ủy ban nhân dân thành phố giao đất (gồm cả đất và mặt nước) để tổ chức xây dựng và phát triển các Khu Công nghệ cao theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc tái định cư, đền bù, giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghệ cao.

c) Tổ chức lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết cho Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất; Thu hồi đất đã giao lại, cho thuê theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định mức thu tiền thuê đất nhưng không được thấp hơn giá đất trong bảng giá do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; Mức miễn, giảm tiền thuê đất cho các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao nhằm đảm bảo khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật.

e) Thỏa thuận việc định giá cho thuê lại đất đã xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; Giá nhà xưởng cho thuê và giá nhà ở với các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng và nhà ở.

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tổ chức đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h) Quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai tại Khu Công nghệ cao. Là đầu mối tiếp nhận và trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai cho nhà đầu tư (giao lại đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) theo quy định của pháp luật.

i) Tổ chức thẩm tra, đánh giá, thẩm định nhu cầu sử dụng đất; Thẩm định các điều kiện giao lại đất, cho thuê đất đối với các dự án đầu tư.

k) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của các dự án theo Quyết định giao lại đất, cho thuê đất.

10. Về quản lý và bảo vệ môi trường

a) Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền.

b) Là đầu mối hướng dẫn các nhà đầu tư và các đối tượng hoạt động trong Khu Công nghệ cao thực hiện các thủ tục về quản lý và bảo vệ môi trường.

c) Hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; Phối hợp với các cơ quan giải quyết các khiếu nại, tố cáo và tranh chấp về môi trường trong Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện quan trắc phát thải và các thành phần môi trường tại Khu Công nghệ cao; Báo cáo cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

đ) Phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường tại Khu Công nghệ cao.

e) Lập biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Khu Công nghệ cao.

11. Về quản lý các dịch vụ và bảo đảm an ninh, trật tự

a) Quản lý các hoạt động khai thác, kinh doanh, dịch vụ, sử dụng các công trình đầu tư; Trực tiếp hoặc giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng và duy tu, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư tại Khu Công nghệ cao.

b) Quyết định mức thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư, mức thu tiền xử lý nước thải, phí bảo vệ, giá các loại phí, lệ phí dịch vụ do Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật; Thỏa thuận giá các loại phí, lệ phí dịch vụ do các doanh nghiệp kinh doanh hạ tầng và nhà ở thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan ban hành quy định bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, các hoạt động dân sinh và thực hiện nếp sống văn hóa trong quá trình xây dựng, quản lý và khai thác các công trình trong Khu Công nghệ cao.

12. Quản lý lao động trong Khu Công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

13. Về quản lý và thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ

a) Là đầu mối phát triển khoa học và công nghệ, được cấp kinh phí từ Bộ Khoa học và Công nghệ và ngân sách của Thành phố để triển khai các hoạt động nghiên cứu, ươm tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao của các tổ chức cá nhân hoạt động trong Khu Công nghệ cao.

b) Phê duyệt, chỉ đạo các đơn vị thuộc Ban Quản lý thực hiện nghiên cứu đề tài, dự án khoa học và ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ; Có ý kiến về sự phù hợp quy hoạch phát triển khoa học công nghệ đối với các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao của các tổ chức cá nhân hoạt động trong Khu Công nghệ cao.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình hỗ trợ, hưởng các chính sách ưu đãi cho các hoạt động nghiên cứu phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và phát triển công nghệ cao, thương mại hóa sản phẩm tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức đánh giá, thẩm định cơ sở khoa học, thẩm định công nghệ của các dự án đầu tư vào Khu Công nghệ cao và theo dõi, kiểm tra, giám sát trong việc triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức, triển khai các hoạt động tiếp nhận, quảng bá, trình diễn và chuyển giao công nghệ.

e) Quyết định các lĩnh vực công nghệ ươm tạo, đối tượng ươm tạo và hình thức ươm tạo theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định các hình thức hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tham gia ươm tạo phù hợp với các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước dành cho các hoạt động ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao của quốc gia.

h) Thực hiện kiểm tra giám sát và đề xuất các biện pháp, chế tài trong việc thực hiện các cam kết về nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp theo luật định. Hướng dẫn, khuyến khích các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao thành lập, trích và sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp

14. Hợp tác, đầu tư với nước ngoài, đầu tư mạo hiểm và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao

a) Tổ chức các hoạt động đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; đề xuất thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho các quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao hoạt động.

b) Tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

15. Tổ chức, hỗ trợ việc đào tạo nguồn nhân lực trong Khu Công nghệ cao; Xây dựng các chuẩn kỹ năng công nghệ, tổ chức sát hạch và cấp chứng chỉ theo các chuẩn kỹ năng.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

17. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác tại Khu Công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

19. Định kỳ, đột xuất báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các Bộ, cơ quan có liên quan, Thủ tướng Chính phủ về tình hình đầu tư, xây dựng, phát triển, quản lý và hoạt động của Khu Công nghệ cao.

20. Thực hiện cải cách hành chính tại Khu Công nghệ cao theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Tuyên truyền, hướng dẫn các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố đến các doanh nghiệp trong Khu Công nghệ cao;

22. Phối hợp Ban Quản lý các Khu Chế xuất và công nghiệp thành phố khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp của Khu Công nghệ cao tăng cường hợp tác, đầu tư vào các Khu Chế xuất và Công nghiệp nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ lĩnh vực công nghệ cao, và góp phần nâng cao trình độ công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

23. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Lãnh đạo

1. Ban Quản lý có Trưởng ban và không quá 04 Phó Trưởng ban.

2. Trưởng ban Ban Quản lý quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Trưởng ban Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý. Phó Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về các lĩnh vực công tác được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt, một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

4. Việc bổ nhiệm Trưởng ban và Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật; việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Văn phòng;
- Phòng Quản lý Doanh nghiệp;
- Phòng Xúc tiến Đầu tư;
- Phòng Quản lý Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường.

2. Các đơn vị sự nghiệp:

- a) Trung tâm Đào tạo;
- b) Trung tâm Nghiên cứu triển khai;
- c) Vườn ươm Doanh nghiệp Công nghệ cao;
- d) Ban Quản lý Các dự án Đầu tư xây dựng Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Biên chế

Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố giao.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Căn cứ Quy chế này, Trưởng ban Ban quản lý có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình công tác, các mặt hoạt động, phối hợp công tác thuộc phạm vi, thẩm quyền của Ban quản lý, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trưởng ban Ban Quản lý chịu trách nhiệm ban hành Nội quy làm việc của Ban Quản lý, tổ chức sắp xếp các phòng-ban, các đơn vị trực thuộc; bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước của Ban Quản lý đã được giao.

Điều 7. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Ban Quản lý chủ động phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong